TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2022/DS-ST

Ngày: 29 - 3 - 2022

"V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Sơn Khem;

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên Tòa***: Bà Bùi Mỹ Tiên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2020/TLST-DS, ngày 11 tháng 6 năm 2020, về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất*"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/QĐST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ông Trần Ngọc K, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số nhà 002 ấp Â, xã V, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

* *Bị đơn*: Ông Châu Kh, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số nhà 17 ấp Tr, xã V, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Ong Thị Xó H, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số nhà 002 ấp Â, xã V, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Ngọc K, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số nhà 002 ấp Â, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/6/2020 và lời trình bày trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn cũng là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Ngọc K trình bày:

Ông K và vợ là bà Ong Thị Xó H có phần đất diện tích 91m^2 thuộc thửa 896 tờ bản đồ 06 tọa lạc tại ấp Tr, xã V, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Nguồn gốc thửa đất do vợ chồng ông K nhận chuyển nhượng từ năm 2006 và đã được Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 27/02/2006 cho vợ chồng ông K, phần diện tích đất này vợ chồng ông K để đất trống, chưa sử dụng. Đến năm 2016, ông K phát hiện ông Châu Kh có đất liền kề đem máy vào ủi đất để lấp mương lấn vào phần đất của vợ chồng ông K, tuy nhiên do phần đất này vợ chồng ông K đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chưa sử dụng nên không quan tâm đến hành vi của ông Kh.

Đến ngày 19/4/2020, do dự tính xây nhà nên ông K nhờ địa chính của Ủy ban nhân dân xã V đến đo đạc cặm ranh. Sau khi cặm ranh xong thì ngày 21/4/2020, ông Kh nhổ cọc ranh và ngăn cản việc xây dựng vì ông Kh cho rằng đây là đất của ông Kh nên phát sinh tranh chấp. Phần diện tích đất ông Kh lấn chiếm là 21,6m^2 có vị trí, tứ cận như sau:

- Hướng đông giáp đất bà Bùi Thị B có số đo 1,72m.
- Hướng Tây giáp đất của bà Trần Miêu T có số đo 4,07m.
- Hướng Nam giáp đất phần đất của ông Châu Kh có số đo 1,38m + 6,32m.
- Hướng Bắc giáp đất của ông Trần Ngọc K có số đo 6,04m.

Ông K thống nhất với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án và đồng ý với kết luận định giá của Hội đồng định giá thị xã Vĩnh Châu, không yêu cầu Tòa án định giá theo giá thị trường.

Nay, ông Trần Ngọc K yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Buộc ông Châu Kh phải trả cho vợ chồng ông K phần diện tích đã lấn chiếm là 21,6m^2 thuộc thửa 896 tờ bản đồ 06 tọa lạc tại ấp Tr, xã V, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Trần Ngọc K và bà Ong Thị Xó H đứng tên.

* *Bị đơn ông Châu Kh trình bày*: Phần đất hiện tranh chấp giữa ông K và ông Kh là đất của ông, nguồn gốc đất này có từ thời ông nội của ông Kh, phần đất tranh chấp là phần đất cùng thửa đất với toàn bộ diện tích đất ông Kh đang sử dụng để trồng hành ở liền kề phía sau. Do phần đất tranh chấp trước đây là con mương để đổ rác, sau này ông Kh lấp mương lại nên phần này ông Kh vẫn không sử dụng mà để trống nên chuối tự mọc. Toàn bộ phần đất của ông Kh, bao gồm đất đang tranh chấp và đất trồng hành ở liền kề ông Kh đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (hiện đã thế chấp cho người khác). Trong quá trình hai bên có tranh chấp, ông K có nhờ Trưởng ban nhân dân ấp Tr hỏi ông để mua phần đất tranh chấp với giá 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), nếu đây là đất của ông K thì tại sao ông K lại phải nhờ người hỏi ông mua lại phần tranh chấp. Nay, ông K cho rằng ông lấn đất của ông K là không đúng, phần đất của ông và các hộ phía trước, trong đó có đất ông K có con mương làm ranh, hiện nay con mương này không còn nhưng nếu đào lên sẽ thấy dưới lớp đất tranh chấp có rác vì con mương này người ta đổ rác.

Đất của ông K mua của người khác là phía trước con mương chạy ra lộ, còn từ con mương về sau là đất của ông Kh nên ông Kh không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc K.

Ông Kh thống nhất với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án và đồng ý với kết luận định giá của Hội đồng định giá thị xã Vĩnh Châu, không yêu cầu Tòa án định giá theo giá thị trường.

* *Chứng cứ Tòa án thu thập được là các*: Tòa án có tiến hành thu thập các tài liệu chứng cứ là hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 896 tờ bản đồ số 6 (thửa mới theo bản đồ chính quy là thửa 59 tờ bản đồ số 107) tọa lạc tại ấp Tr, xã V, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; Hồ sơ quản ý địa chính đối với các thửa đất hiện nay ông Châu Kh đang quản lý sử dụng (giáp ranh với phần đất tranh chấp) là các thửa đất số 336, 340, 410 bản đồ số 6 tọa lạc tại ấp Tr, xã V, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Biên bản xác minh người làm chứng là ông Trần Thanh Ph, ông Lý Th, ông Trần Xuân T.

* *Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm*: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự,

chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử đã xác định đúng quan hệ tranh chấp là "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*". Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Ngọc K đối với bị đơn Châu Kh về việc đòi lại quyền sử dụng đất có diện tích 21,6m^2 thuộc thửa số 896 tờ bản đồ 06 tọa lạc tại ấp Tr, xã V, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng (có vị trí theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 06/01/2021); Quyết định về nghĩa vụ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và án phí theo quy định pháp luật .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản; tài sản là quyền sử dụng đất và bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị xã Vĩnh Châu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết:

Năm 2006, vợ chồng ông K – bà H mua phần đất của bà Ong Thị Th, giáp ranh với phần đất của ông Châu Kh là con mương. Theo lời trình bày của hai bên đương sự thì phần đất từ con mương về hướng Bắc giáp lộ là đất của vợ chồng ông K mua lại của bà Th, từ con mương về hướng Nam là đất của ông Châu Kh. Tuy nhiên, hiện nay con mương không còn, theo lời trình bày của hai bên thì con mương là đất của ông Kh và ông Kh đã lấp trong quá trình sử dụng đất.

Đối với phần đất vợ chồng ông K – bà H mua, trên phần đất có căn nhà của bà Th, sau khi mua, do không có nhu cầu sử dụng nên ông K cho bà Th dỡ để lấy xác nhà, chỉ còn đất trống

Phần đất của ông Châu Kh, theo lời trình bày của ông Kh nguồn gốc là do ông nội của ông Kh để lại và ông đã sử dụng ổn định từ trước đến nay. Khi ông K nhận chuyển nhượng phần đất của bà Ong Thị Th thì ông Kh không chứng kiến việc đo đạc và không ký giáp ranh.

Căn cứ vào Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ vào ngày 06/01/2021 thì, phần đất tranh chấp có diện tích 21,6m^2 thuộc thửa số 896 tờ bản đồ 06 (thửa mới theo bản đồ chính quy là thửa 59 tờ bản đồ số 107) tọa lạc tại ấp Tr, xã V, thị xã Vĩnh

Châu, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 104066 cấp ngày 27/02/2006 cho ông Trần Ngọc K và bà Ong Thị Xó H có vị trí,tứ cận như sau:

- Hướng đông giáp đất bà Bùi Thị B có số đo 1,72m.
- Hướng Tây giáp đất của bà Trần Miêu T có số đo 4,07m.
- Hướng Nam giáp phần đất của ông Châu Kh có số đo 1,38m + 6,32m.
- Hướng Bắc giáp đất của ông Trần Ngọc K có số đo 6,04m.

Phần đất này, hiện không ai sử dụng, trên đất có một số cây chuối, hai bên đương sự cho rằng đây là chuối tự mọc và không yêu cầu định giá tài sản, cũng không có ý kiến gì đối với tài sản này.

Cũng tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ vào ngày 06/01/2021, thì phần diện tích đất của vợ chồng ông K – bà H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông K được cấp theo hiện trạng thực tế có diện tích 84,7m^2 (trong đó bao gồm cả phần đất tranh chấp và đất theo chỉ giới lộ giới hành chính) (chênh lệch thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông K được cấp), toàn bộ diện tích đất này đã được Uỷ ban nhân dân huyện Vĩnh Châu (nay là thị xã Vĩnh Châu) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 104066 cấp ngày 27/02/2006 cho ông Trần Ngọc K và bà Ong Thị Xó H. Đồng thời cũng tại phiên xem xét, thẩm định tại chỗ này, thì phần đất của ông Châu Kh đang sử dụng (giáp ranh với vị trí tranh chấp) thuộc các thửa số 336, 340, 410 bản đồ số 6 tọa lạc tại ấp Tr, xã V, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Ông Kh cho rằng ông cũng đã được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Châu (nay là thị xã Vĩnh Châu) cấp giấy chứng nhận quyền dụng đất. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Kh cung cấp bản pho to giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 900428 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Châu (nay là thị xã Vĩnh Châu) cấp ngày 26/10/1996. Tuy nhiên, tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Kh cung cấp thì phần đất ông Kh được cấp là thửa 203 và 816 tờ bản đồ số 06. Đối chiếu với hiện trạng thực tế ông Kh sử dụng theo phiên xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án thì diện tích ông Kh đang sử dụng thuộc các thửa số 336, 340, 410 bản đồ số 6 tọa lạc tại ấp Tr, xã V, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, không có thửa đất nào nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông Kh được cấp giấy chứng nhận và ông Kh khẳng định ông chỉ có một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này, ngoài ra không còn giấy tờ nào khác.

Tại Công văn số 733/CV-CNVC ngày 24/11/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Vĩnh Châu thì phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của bà Kim Thị B đăng ký lần đầu vào ngày 28/9/1999 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trình tự cấp giấy đúng theo quy định. Đến ngày 20/5/2003 bà Bi lập hợp đồng chuyển nhượng cho bà Ong Thị Th và đến ngày 10/12/2005 bà Th chuyển nhượng cho ông Trần Ngọc K và bà Ong Thị Xó H; trình tự cấp giấy đúng theo Luật đất đai năm 2003 và Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 về thi hành Luật đất đai. Từ các tài liệu chứng cứ này, Hội đồng xét xử xét thấy, phần đất này trải qua các thời kỳ biến động, thay đổi người sử dụng và trình tự cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho từng cá nhân khác nhau nhưng ông Kh không có ý kiến phản đối hay tranh chấp gì. Đồng thời, cũng tại Công văn này thì các thửa số 336, 340, 410 bản đồ số 6 tọa lạc tại ấp Tr, xã V, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng không có thửa đất nào do ông Kh đứng tên trên hồ sơ quản lý địa chính và căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Kh cung cấp cho Tòa án phần đất tranh chấp không thuộc quyền sử dụng của ông Kh. Mặc dù, ông Kh cho rằng đây là đất của ông nằm chung với phần đất giáp ranh về hướng Nam do ông hiện nay đang canh tác. Mặc khác, mặc dù giáp ranh với phần đất phía sau, nhưng đối với đất phía sau Kh sử dụng liên tục hàng năm vào mục đích trồng hành, riêng phần diện tích đất tranh chấp ông Kh chưa từng sử dụng, không đứng tên trên hồ sơ quản lý địa chính và không có chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ pháp lý. Ông Kh cho rằng trong quá trình hai bên tranh chấp, ông K có nhờ ông Lý Th mua phần đất tranh chấp để chứng minh đây là đất của ông Kh nên ông K mới hỏi mua. Tuy nhiên, tại buổi làm việc với Tòa án, ông Th không thừa nhận là ông K nhờ ông mua phần tranh chấp mà ông K chỉ nhờ ông hỏi dùm cho ông K mua của ông Kh phần đất xéo cho vuông vức (do con mương cũ của ông Kh chạy xéo).

Ngoài ra, căn cứ vào lời khai của các người làm chứng là ông Trần Thanh Ph, ông Nguyễn Xuân T thì phần đất ranh giới giữa ông Kh với các hộ dân ở hướng Bắc có con mương làm ranh. Con mương này hiện nay ông Kh đã lấp nhưng phần ranh đất vẫn còn, cụ thể là ngay sau phần đất bà Trần Miêu T (giáp hướng Tây của phần đất ông K) đã được Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử bằng bản án có hiệu lực pháp luật (có hàng rào làm ranh).

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ, lời khai của những người làm chứng có trong hồ sơ vụ án. Trong khi đó, bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ và hợp pháp.

[3] Từ những cơ sở phân tích nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy: Việc nguyên đơn ông Trần Ngọc K yêu cầu bị đơn Châu Kh trả lại phần diện tích đất ông Kh lấn chiếm là 21,6m^2 tại thửa 896 tờ bản đồ 06 (thửa mới theo bản đồ chính quy là thửa 59 tờ bản đồ số 107) tọa lạc tại ấp Tr, xã V, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng có vị trí tứ cận nêu trên là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 8.198.000đ (tám triệu một trăm chín mươi tám nghìn đồng). Xét yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn Châu Kh phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền này, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật nên bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền là 8.198.000đ (tám triệu một trăm chín mươi tám nghìn đồng).

[5] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV. Tuy nhiên, do bị đơn là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí thuộc trường hợp miễn án phí được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV nên không phải nộp án phí.

[6] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, , Điều 147, Điều 157, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Ngọc K về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với bị đơn Châu Kh.

Buộc bị đơn Châu Kh có trách nhiệm trả cho ông Trần Ngọc K và bà Ong Thị Xó H phần đất có vị trí tứ cận như sau:

- Hướng đông giáp đất bà Bùi Thị B có số đo 1,72m.
- Hướng Tây giáp đất của bà Trần Miêu T có số đo 4,07m.
- Hướng Nam giáp phần đất của ông Châu Kh có số đo 1,38m + 6,32m.
- Hướng Bắc giáp đất của ông Trần Ngọc K có số đo 6,04m.

Diện tích là 21,6m^2 tại thửa 896 tờ bản đồ 06 (thửa mới theo bản đồ chính quy là thửa 59 tờ bản đồ số 107) tọa lạc tại ấp Tr, xã V, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 104066 cấp ngày 27/02/2006 cho ông Trần Ngọc K và bà Ong Thị Xó H.

(Có sơ đồ kèm theo)

2/ Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Bị đơn ông Châu Kh phải chịu là 8.198.000đ (tám triệu một trăm chín mươi tám nghìn đồng). Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền này, nên bị đơn Châu Kh có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Trần Ngọc K số tiền là 8.198.000đ (tám triệu một trăm chín mươi tám nghìn đồng).

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Châu Kh phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Nhưng do ông Châu Kh là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên ông Kh không phải nộp tiền án phí.

4/ Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tòa tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành

án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VÕ THỊ HIẾU